

DANH SÁCH

Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,
thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030(Kèm Quyết định số 803/QĐ-BDTT ngày 20 tháng 9 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo)

16. THÀNH PHỐ HUẾ

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
	Tổng cộng		79	53	79	38
1	Xã A Lưới 1		10	10	10	10
		1	Thôn A Tia	x	x	x
		2	Thôn A Nôr	x	x	x
		3	Thôn Bắc Sơn	x	x	x
		4	Thôn Hồng Trung	x	x	x
		5	Thôn A Lin	x	x	x
		6	Thôn A Năm	x	x	x
		7	Thôn Hồng Vân	x	x	x
		8	Thôn Hồng Thủy 1	x	x	x
		9	Thôn Hồng Thủy 2	x	x	x
		10	Thôn Pâr Ay	x	x	x
2	Xã A Lưới 2		11	10	11	6
		1	Thôn Sơn Phước		x	
		2	Thôn Tà Rê	x	x	
		3	Thôn Trường Sơn	x	x	
		4	Thôn Hồng Quảng	x	x	x
		5	Thôn Nhâm	x	x	x
		6	Thôn A Ngo	x	x	
		7	Thôn Hợp Thành	x	x	
		8	Thôn A Biah	x	x	x
		9	Thôn Hồng Bắc	x	x	x
		10	Thôn Hồng Nam	x	x	x
		11	Thôn A Bả	x	x	x
3	Xã A Lưới 3		7	6	7	4
		1	Thôn Hồng Thái	x	x	x
		2	Thôn Thái Sơn	x	x	
		3	Thôn Sơn Thủy		x	
		4	Thôn Bốt Đò	x	x	
		5	Thôn Hồng Thượng	x	x	x
		6	Thôn Thái Thượng	x	x	x
		7	Thôn Phú Vinh	x	x	x
4	Xã A Lưới 4		9	8	9	9
		1	Thôn Hương Phong		x	x
		2	Thôn Ka Nôn	x	x	x
		3	Thôn Đông Sơn	x	x	x

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		4	Thôn Ka Vá	x	x	x
		5	Thôn Hương Lâm	x	x	x
		6	Thôn A Đót	x	x	x
		7	Thôn Ka Vin	x	x	x
		8	Thôn A Ka	x	x	x
		9	Thôn A Roàng	x	x	x
5	Xã A Lưới 5		3	3	3	3
		1	Thôn Hồng Hạ 1	x	x	x
		2	Thôn Hồng Hạ 2	x	x	x
		3	Thôn Hương Nguyên	x	x	x
6	Xã Long Quảng		8	8	8	3
		1	Thôn Ka Đe	x	x	
		2	Thôn Thượng Quảng	x	x	
		3	Thôn Thượng Long	x	x	
		4	Thôn A Gôn	x	x	
		5	Thôn A Rong	x	x	x
		6	Thôn Hương Hữu	x	x	x
		7	Thôn Bá Tang	x	x	x
		8	Thôn Ư Rang	x	x	
7	Xã Nam Đông		6	3	6	0
		1	Thôn Hương Xuân		x	
		2	Thôn Hương Hòa		x	
		3	Thôn Hương Giang		x	
		4	Thôn Hương Sơn	x	x	
		5	Thôn Thượng Nhật	x	x	
		6	Thôn Ta Rinh	x	x	
8	Xã Bình Điền		9	2	9	2
		1	Thôn Hồng Tiến 1	x	x	x
		2	Thôn Hồng Tiến 2	x	x	x
		3	Thôn Bình Thành		x	
		4	Thôn Tam Hiệp		x	
		5	Thôn Tân Hòa		x	
		6	Thôn Phú Lợi		x	
		7	Thôn An Thuận		x	
		8	Thôn Tân Quang		x	
		9	Thôn Hương Bình		x	
9	Xã Khe Tre		7	1	7	0
		1	Thôn Hương Lộc		x	
		2	Thôn Lộc Mỹ		x	
		3	Thôn Thống Nhất		x	
		4	Thôn Thượng Lộ	x	x	
		5	Thôn Ka Tư		x	
		6	Thôn Đoàn Kết		x	
		7	Thôn Hương Phú		x	
10	Xã Hưng Lộc		2	1	2	0

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		1	Thôn Hòa Lộc		x	
		2	Bản Phúc Lộc	x	x	
11	Xã Phú Lộc		3	0	3	0
		1	Thôn Bạch Mã		x	
		2	Thôn Lộc Bình		x	
		3	Thôn Mũi Né		x	
12	Phường Phong Điền		1	1	1	1
		1	TDP Phong Mỹ 2	x	x	x
13	Phường Phú Bài		3	0	3	0
		1	TDP Dương Hoà 1		x	
		2	TDP Dương Hoà 2		x	
		3	TDP Phú Sơn		x	